

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26-6-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 216/2019/TLST-HNGĐ 20/3/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Ph, sinh năm 1986; thường trú: 98A/11, khu phố Th, phường D, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn Q, sinh năm 1980; thường trú: Số 98A/11 khu phố Th, phường D, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 13/3/2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đỗ Thị Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Ph và anh Trịnh Văn Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Th, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05, quyền số 01/2005 ngày 21/3/2005. Chị Ph xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2016. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, tính tình không hòa hợp, nhiều lúc chỉ cần một việc nhỏ nhưng vợ chồng cũng xảy ra cãi vã, to tiếng, có lúc anh Q đánh, chửi xúc phạm chị và gia đình. Việc anh Q đánh chị bị đau thân thể nên chị không đi bệnh viện thăm khám và cũng không làm đơn tố cáo đến bất cứ cơ quan, tổ chức nào. Năm 2018, chị Ph đã nộp đơn xin ly hôn, sau đó anh Q xin tha thứ, vì thương con, nghĩ đến cha

mẹ ở nhà lảng giềng dị nghị; mặt khác để cho bản thân và chồng thêm một cơ hội hàn gắn tình cảm nên chị đã tự nguyện rút đơn khởi kiện. Sau khi chị rút đơn khởi kiện anh Q thay đổi được khoảng 03 tháng đầu, sau đó vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn. Anh Q tiếp tục không tin tưởng chị, bất kể chuyện gì vợ chồng cũng xảy ra cãi vã, anh Q dùng những lời lẽ xúc phạm làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Nay chị Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh Quốc V, sinh ngày 17/8/2014. Hiện nay con đang ở chung với hai vợ chồng tại số 98A/11 khu phố Th, phường D, thị xã D, tỉnh B. Chị Ph là mẹ, là người gần gũi với con nhiều hơn nên việc chị chăm sóc con sẽ tốt hơn. Chị làm công nhân ngành may mặc, thâm niên làm việc gần 14 năm, thu nhập trung bình từ 8 đến 9 triệu đồng/tháng nên chị chủ động được về kinh tế để nuôi con mà không yêu cầu anh Q phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị Ph làm công ty có thời gian làm việc cố định buổi sáng vào ca lúc 08 giờ 00 phút, buổi chiều về lúc 17 giờ 00 phút nên có thời gian để đưa đón và chăm sóc con. Do đó, chị Ph yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trịnh Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2019 và ngày 19/4/2019, anh Q trình bày: Anh thống nhất với lời khai của chị Đỗ Thị Ph đã cung cấp cho Tòa án về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn, thời gian sống chung của hai vợ chồng. Theo anh quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, thỉnh thoảng có xảy ra cãi vã nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng dần hòa nhau rồi làm lành. Đến đầu năm 2018 hai vợ chồng xảy ra bất đồng, cãi vã dẫn đến việc chị Ph nộp đơn khởi kiện ly hôn, sau đó hai vợ chồng hàn gắn được nên chị Ph rút đơn về đoàn tụ, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến khoảng cuối tháng 02/2019, vợ chồng lại xảy ra bất đồng quan điểm trong việc có người bạn gọi điện cho chị Ph mời đi ăn đám giỗ, anh Q không đồng ý cho chị Ph đi vì lý do lúc vợ chồng anh làm tiệc đầy tháng cho con có mời người bạn này nhưng họ không đến dự, lần này người bạn đó mời mà không đến nhà, chỉ gọi điện thoại thì anh Q nói với chị Ph không đi. Từ chuyện này vợ chồng xảy ra cãi nhau. Biết mình sai nên anh đã xin lỗi nhưng chị Ph không đồng ý. Sau sự việc lần này chị Ph lại nộp đơn ly hôn. Từ khi mâu thuẫn xảy ra hai vợ chồng tuy không nói chuyện với nhau nhưng vẫn sống chung nhà. Anh Q xác định tình cảm với vợ vẫn còn, mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng cãi nhau chỉ là mâu thuẫn nhỏ do cả hai vợ chồng cùng nóng tính, hơn nữa con chung còn quá nhỏ cần sự chăm sóc của cả cha và mẹ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh Quốc V, sinh ngày 17/8/2014. Hiện nay con đang ở chung với hai vợ chồng tại số 98A/11 khu phố Th, phường D, thị xã D, tỉnh B. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Ph phải cấp dưỡng. Bởi vì, từ khi có con đến nay việc chăm sóc con chủ yếu là do anh đảm nhận. Anh là người làm tự do bên ngoài nên có nhiều thời gian để đưa đón con đi học. Về thu nhập do anh làm thợ xây dựng nên không có thang bảng lương để

cung cấp cho Tòa án nhưng thu nhập bình quân hàng tháng của anh khoảng 10.000.000 đồng, với thu nhập này anh đủ khả năng để nuôi con mà không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Ph trực tiếp nuôi con thì anh không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Chị Đỗ Thị Ph khởi kiện anh Trịnh Văn Q yêu cầu được ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trịnh Văn Q có nơi cư trú tại khu phố Th, phường D, thị xã D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 27/5/2019 và ngày 26/6/2019 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Ph và anh Trịnh Văn Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Th và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 quyền số 01/2005 ngày 21/3/2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị Ph xác định quá trình chung sống với anh Q vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không có tiếng nói chung, tính tình không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Năm 2018 chị nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng để vợ chồng có thêm cơ hội hàn gắn nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi hàn gắn vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn lại xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng phai nhạt, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Q. Tại biên bản lấy lời khai anh Q thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn là do không tìm được tiếng nói chung, do anh nóng tính nên nhiều lúc có nói nặng lời xúc phạm đến vợ. Anh Q xác định vẫn còn thương vợ, con còn quá nhỏ và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dưỡng con cái trưởng thành nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ

chồng giữa chị Ph và anh Q đã diễn ra trong thời gian dài, đã nộp đơn khởi kiện ly hôn nhiều lần nhưng cả hai không có giải pháp nào để khắc phục. Tòa án đã triệu tập anh Q đến hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Q không đến tham gia, anh Q cho rằng vẫn còn tình cảm với chị Ph nhưng anh không có phương án nào để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Ph yêu cầu được ly hôn với anh Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh Quốc V, sinh ngày 17/8/2014 hiện nay con đang sống chung với hai vợ chồng. Chị Ph và anh Q đều có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Khi giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy cháu Việt tuổi còn rất nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc từ người mẹ. Chị Ph có việc làm, thu nhập ổn định, thời gian làm việc cố định đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con nên việc giao con cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Ph không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Ph phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 227, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Ph đối với anh Trịnh Văn Q về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Ph được ly hôn với anh Trịnh Văn Q.
- Về con chung: Anh Trịnh Văn Q giao con chung tên Trịnh Quốc V, sinh ngày 17/8/2014 cho chị Đỗ Thị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, chị Ph và anh Q đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Q lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Ph nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Ph phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0028231 ngày 20-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Th;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân